

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2023/DS-PT

Ngày: 13/9/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 395/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2022/DS-ST ngày 21, 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 482/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Ngọc S, sinh năm 1977;

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 17A25 khu phố K, phường 6, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 764/38 C, phường 13, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Huy C, sinh năm 1980; (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1982; (đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 427/81 ấp Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre.

*** Người kháng cáo:** Ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến ngày 30/07/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông M trình bày:*

Ông S (tên thường gọi là H) và vợ là bà Nguyễn Thị Thanh M quen biết vợ chồng ông C, sau nhiều lần trao đổi đến năm 2021, vợ chồng ông C đã vay tiền của vợ chồng ông, bà để đáo hạn ngân hàng và đóng lãi, cụ thể:

- Ngày 18/01/2021, ông C và bà N vay của vợ chồng ông là 1.100.000.000 đồng theo hợp đồng vay xác lập ngày 18/01/2021 tại Văn phòng Công chứng ông Nguyễn Văn Tứ, thời hạn vay là 60 ngày, vay không lãi suất, khi hết thời hạn vợ chồng ông C phải thanh toán nợ gốc một lần cho ông bà. Vợ chồng ông C đã nhận đủ tiền vào ngày 18/01/2021. nội dung này được ông C ký xác nhận tại giấy mượn tiền để đáo hạn ngân hàng ngày 08/5/2021 do ông C ký tên và lăn tay.

- Ngày 14/4/2021, ông C vay thêm số tiền 994.000.000 đồng, căn cứ giấy vay tiền do ông C ký tên xác nhận cùng ngày.

- Ngày 22/4/2021, ông C mượn thêm 1.150.000.000 đồng, ông vay để xoay sở công việc làm ăn, thời hạn vay là 30 ngày trả, ông C ký nhận nợ.

- Ngày 26/04/2021, ông C vay thêm 300.000.000 đồng để đóng lãi ngân hàng, thời hạn vay 30 ngày, ông C đã ký và lăn tay vào giấy mượn tiền.

- Ngày 08/5/2021, ông C vay thêm 3.595.000.000 đồng, ông hứa sẽ thanh toán đủ số tiền vay vào ngày 30/5/2021 theo giấy mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, ông C đã ký tên lăn tay.

Tổng cộng số tiền ông C, bà N vay của vợ chồng ông là 7.139.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn ông C đã hứa nhưng không trả cho vợ chồng ông bà.

Vì vậy, ông S và bà M yêu cầu ông C, bà N trả cho ông, bà số tiền gốc và lãi là 7.739.437.217 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Huy C trình bày:*

Ông C chỉ thừa nhận có nợ ông H số tiền là 1.100.000.000 đồng, số tiền đó là anh Kiệt mượn dù ông có công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T, lãi 30%/tháng, có ông K làm chứng, ông T, ông T1 ngân hàng. Còn các giấy nợ khác thì ông C có ký tên nhưng không có nhận tiền và đây là số tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện L đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M đối với ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh Mai số tiền gốc và lãi là 7.939.000.000 đồng (bao gồm 7.139.000.000 đồng tiền gốc và 800.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, bị đơn ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Bị đơn ông Trần Huy C trình bày:*

Ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo bị đơn ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C, bà N liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 7.139.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng

vay tiền ngày 18/01/2021 và các giấy mượn tiền ngày 14/4/2021, ngày 20/4/2021, ngày 22/6/2021, ngày 08/5/2021. Ông C chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền là 1.100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/01/2021, còn các giấy nợ khác thì ông C cho rằng đây là tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 18/01/2021 thể hiện bên vay là ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N có vay của ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn vay là 60 ngày kể từ ngày 18/01/2021. Hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T và được ông C thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo các giấy tay mượn nợ, giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 14/4/2021, ông C có mượn của anh H (là tên gọi khác của ông S) số tiền 994.000.000 đồng; ngày 20/4/2021, ông C mượn của ông Hạnh số tiền 1.150.000.000 đồng, hứa 30 ngày trả đủ; ngày 26/4/2021, ông C mượn của ông Hạnh số tiền 300.000.000 đồng, hứa 30 ngày trả đủ; ngày 08/5/2021, ông C mượn của nguyên đơn số tiền 3.595.000.000 đồng và cam đoan trả số tiền này vào ngày 30/5/2021. Trên các giấy tờ này đều có ghi rõ thông tin người mượn tiền là ông Trần Huy C và được ông C thừa nhận có ký tên, ghi họ tên Trần Huy C, đồng thời tại Kết luận giám định số 368/2022/KL-KTHS ngày 19/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký, chữ viết “Trần Huy C” tại các biên nhận nêu trên do ông C ký và viết ra. Ông C cho rằng ông ký tên chứ không có nhận tiền, tất cả số tiền mà ông ký tên vào các biên nhận ghi ngày 14/4/2021, 20/4/2021, 22/6/2021, 08/5/2021 là tiền lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã mở đoạn ghi âm trên thiết bị lưu trữ USB do ông C cung cấp nhưng không thể hiện nội dung như lời trình bày tại Tòa của ông C. Ngoài ra, ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh.

[4] Theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/01/2021, bà N cùng ông C có ký tên vào hợp đồng vay tiền này, đối với các biên nhận nợ mặc dù chỉ có ông C ký tên nhưng số tiền vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N với ông C và mục đích vay tiền của ông C theo các biên nhận nợ là xoay sở công việc làm ăn, để trả nợ ngân hàng nên đây cũng là mục đích phục vụ kinh tế gia đình. Như vậy, từ khi hết thời hạn trả nợ đến khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 7.139.000.000 đồng và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày bị đơn chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm (nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của số tiền vay ngày 14/4/2021) chỉ với số tiền làm tròn là 800.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C, bà N liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi

là 7.939.000.000 đồng là có căn cứ. Ông C, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 21, 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M đối với ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh Mai số tiền gốc và lãi là 7.939.000.000 đồng (bao gồm 7.139.000.000 đồng tiền gốc và 800.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận việc ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000 đồng (đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 115.939.000đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.741.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006920 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí mỗi người 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008465 ngày 11/10/2022 và số 0008477 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (7b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt